THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trương Trọng Tiến*, Lưu Nguyễn Quốc Hưng, Mai Thị Yến Lan****
***Học viên Cao học Đại học Cần Thơ**
****Đại học Cần Thơ**
Email: mtylan@ctu.edu.vn

Tóm tắt: *Hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐGDTN, HN) là nội dung bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đóng vai trò then chốt trong việc hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông (THPT). Nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp tại ba trường THPT trên địa bàn phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Khảo sát 98 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và 987 học sinh khối 10, 11, 12 cho thấy nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của HĐGDTN, HN ở mức tốt (81,7%), trong khi học sinh chỉ ở mức khá (60,5%). Điểm trung bình các chức năng quản lý lần lượt: lập kế hoạch 2,67; tổ chức 2,50; chỉ đạo 2,48; kiểm tra đánh giá 2,41, phản ánh hiện tượng "mạnh hình thức, yếu thực chất" và hiệu quả giảm dần ở các khâu cần đổi mới. Nguyên nhân chính là nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận CBQL, cơ chế tài chính cứng nhắc và đội ngũ GV kiêm nhiệm còn hạn chế về kỹ năng. Từ kết quả khảo sát, bài báo đề xuất một số biện pháp nâng cao nhận thức, hoàn thiện kế hoạch, đổi mới tổ chức chỉ đạo, bồi dưỡng GV và cải tiến kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp cho học sinh.*

Từ khóa: *Quản lý giáo dục, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, học sinh trung học phổ thông, Ninh Kiều, Cần Thơ.*

CURRENT STATUS OF MANAGING EXPERIENTIAL AND CAREER GUIDANCE EDUCATION ACTIVITIES FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN NINH KIEU WARD, CAN THO CITY

Abstract: *This study evaluates the management status of experiential and career-oriented education activities at three high schools in Ninh Kieu ward, Can Tho city. Surveys of 98 administrators and teachers, and 987 students in grades 10, 11, and 12 show that administrators and teachers have good perception (81.7%), while students only reach a moderate level (60.5%). The mean scores of management functions are: planning 2.67, organizing 2.50, directing 2.48, and inspecting evaluating 2.41, reflecting a "strong in form, weak in substance" phenomenon with declining effectiveness in stages requiring innovation. Main causes include incomplete awareness among some administrators, rigid financial mechanisms, and limited skills among part-time teaching staff. The study proposes solutions to raise awareness, improve planning, innovate organization direction, enhance teacher training, and improve inspection and evaluation to enhance career orientation effectiveness for students.*

Keywords*: Educational management, experiential activities, career guidance, high school students, Ninh Kieu, Can Tho.*

Nhận bài: 24/07/2026 *Phản biện: 24/08/2026* *Duyệt đăng: 27/08/2026*

I. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐGDTN, HN) đã được xác định là một thành tố cốt lõi trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, với thời lượng 105 tiết/năm, được triển khai xuyên suốt cấp THPT. Đây không còn là hoạt động ngoại khóa mang tính phong trào mà là hoạt động giáo dục bắt buộc, đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa mục tiêu phân luồng, giúp học sinh hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp. Trên địa bàn phường Ninh Kiều - trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa và giáo dục của thành phố Cần Thơ - các trường THPT như THPT Thực hành Sư phạm Đại học Cần Thơ, THPT Phan Ngọc Hiển và THPT Châu Văn Liêm có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, nguồn lực xã hội và đội ngũ giáo viên có trình độ cao. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai HĐGDTN, HN và công tác quản lý hoạt động này tại địa bàn vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập. Bài báo này trình bày kết quả khảo sát thực trạng quản lý HĐGDTN, HN tại các trường THPT phường Ninh Kiều, tập trung phân tích bốn chức năng quản lý cốt lõi.

II. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ GD&ĐT, 2018), HĐGDTN, HN là hoạt động bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12, nhằm hình thành phẩm chất, năng lực và giúp học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp. Quản lý HĐGDTN, HN là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của

chủ thể quản lý lên các thành tố của hoạt động (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, nguồn lực, môi trường). Chu trình quản lý gồm bốn chức năng: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra-đánh giá (Nguyễn Quốc Chí & Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2014; Trần Kiểm, 2014). Bốn chức năng này có quan hệ biện chứng, tạo thành chu trình khép kín. Nhận thức của chủ thể và đối tượng tham gia đóng vai trò định hướng chi phối hiệu quả chu trình. Do đó, cần có sự đồng bộ trong nhận thức giữa CBQL, GV và HS, đồng thời vận hành hiệu quả bốn chức năng quản lý.

2.2. Phương pháp nghiên cứu thực trạng

Nghiên cứu được thực hiện tại ba trường THPT trên địa bàn phường Ninh Kiều: THPT Thực hành Sư phạm Đại học Cần Thơ, THPT Phan Ngọc Hiển và THPT Châu Văn Liêm. Đối tượng khảo sát gồm 98 CBQL và GV, cùng 987 học sinh khối 10, 11, 12. Công cụ thu thập dữ liệu là bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ, đánh giá thực trạng nhận thức và bốn chức năng quản lý. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel thống kê để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn và thứ hạng các nội dung.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1 Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học phổ thông phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bảng 2.1. Đánh giá thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học phổ thông phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

TT	Đối tượng khảo sát	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Cán bộ quản lý, giáo viên (n=98)	52(53,1%)	28 (28,6%)	12 (12,2%)	4(4,1%)	2(2,0%)
2	Học sinh (n=987)	285 (28,9%)	312 (31,6%)	245 (24,8%)	98(9,9%)	47(4,8%)

Kết quả khảo sát cho thấy có sự chênh lệch đáng kể về nhận thức giữa CBQL, GV và học sinh. Trong khi 81,7% CBQL và GV đánh giá HĐGDTN, HN ở mức quan trọng (53,1% "Rất quan trọng", 28,6% "Quan trọng") thì tỷ lệ này ở học sinh chỉ đạt 60,5% (28,9% "Rất quan trọng", 31,6% "Quan trọng"); 39,5% học sinh còn xem nhẹ hoạt động này. Nguyên nhân chủ yếu là học sinh (đặc biệt khối 10) cho rằng còn sớm để định hướng nghề, dẫn đến thụ động trong học tập và lựa chọn tổ hợp môn thiếu cơ sở. Sự chênh lệch này phản ánh công tác tuyên truyền của nhà trường chưa hiệu quả. Bên cạnh đó, khảo sát cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh, trong đó yếu tố cá nhân và gia đình chiếm ưu thế.

Biểu đồ 2.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh khối 10, 11, 12.

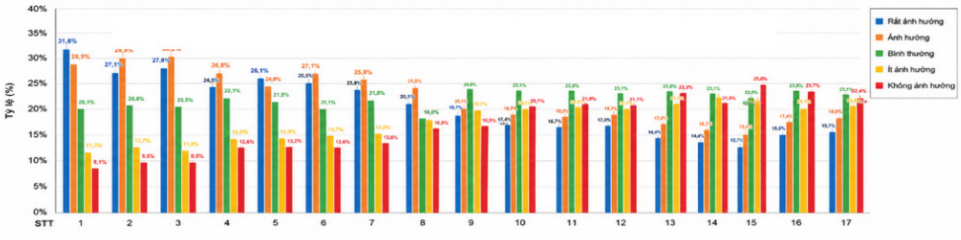

STT		Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Bình thường		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Sở thích, niềm đam mê và khát vọng cá nhân	312	31,6%	285	28,9%	198	20,1%	112	11,3%	80	8,1%
2	Năng khiếu và những năng lực đặc thù	268	27,1%	295	29,9%	205	20,8%	125	12,7%	94	9,5%
3	Kết quả học tập và sự tự tin vào trình độ học vấn	275	27,9%	298	30,2%	202	20,5%	118	11,9%	94	9,5%
4	Sự phù hợp giữa tính cách cá nhân với đặc thù nghề nghiệp	242	24,5%	265	26,8%	218	22,1%	138	14,0%	124	12,6%
5	Điều kiện kinh tế và khả năng tài chính của gia đình	258	26,1%	245	24,8%	212	21,5%	142	14,4%	130	13,2%
6	Cơ hội việc làm dồi dào và sự ổn định lâu dài của nghề	252	25,5%	268	27,1%	198	20,1%	145	14,7%	124	12,6%
7	Mức thu nhập kỳ vọng và chế độ đãi ngộ sau khi ra trường	235	23,8%	255	25,8%	215	21,8%	148	15,0%	134	13,6%
8	Định hướng, mong muốn và truyền thống nghề nghiệp gia đình	198	20,1%	212	21,5%	235	23,8%	178	18,0%	164	16,6%
9	Sự tư vấn, rủ rê hoặc áp lực từ bạn bè cùng trang lứa	185	18,7%	198	20,1%	245	24,8%	192	19,5%	167	16,9%
10	Ảnh hưởng từ những người thành công hoặc thần tượng	172	17,4%	185	18,7%	228	23,1%	198	20,1%	204	20,7%
11	Các "ngành hot", ngành mới nổi theo xu hướng xã hội	165	16,7%	178	18,0%	235	23,8%	202	20,5%	207	21,0%
12	Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số	168	17,0%	185	18,7%	228	23,1%	198	20,1%	208	21,1%
13	Các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp và tư vấn tại trường	142	14,4%	168	17,0%	235	23,8%	212	21,5%	230	23,3%
14	Thông tin tuyển sinh và học phí của các trường Đại học, Cao đẳng	138	14,0%	165	16,7%	228	23,1%	215	21,8%	241	24,4%
15	Thông tin từ báo chí, truyền hình và các nền tảng mạng xã hội	125	12,7%	152	15,4%	235	23,8%	228	23,1%	247	25,0%
16	Sự tiện lợi về khoảng cách địa lý (gần nhà/xa nhà) của nơi học tập	148	15,0%	172	17,4%	235	23,8%	198	20,1%	234	23,7%
17	Những rủi ro, thách thức và môi trường làm việc thực tế của nghề	155	15,7%	178	18,0%	228	23,1%	205	20,8%	221	22,4%

Kết quả khảo sát cho thấy lựa chọn nghề nghiệp của học sinh chịu ảnh hưởng mạnh nhất từ các yếu tố cá nhân và gia đình: sở thích cá nhân (31,6%), năng khiếu (27,1%), kết quả học tập (27,9%),

điều kiện kinh tế gia đình (26,1%) và cơ hội việc làm (25,5%). Trong khi đó, vai trò của nhà trường thông qua HĐGDTN, HN rất hạn chế, chỉ 14,4% học sinh đánh giá "Rất ảnh hưởng", 44,8% đánh giá "Ít ảnh hưởng" hoặc "Không ảnh hưởng". Điều này cho thấy công tác hướng nghiệp từ nhà trường chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Học sinh hiểu biết hạn chế về thị trường lao động và yêu cầu ngành nghề, dẫn đến lựa chọn cảm tính, thiếu cơ sở. Khoảng cách giữa nhu cầu định hướng nghề của học sinh và hiệu quả HĐGDTN, HN là hạn chế lớn cần khắc phục.

2.3.2 Thực trạng việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học phổ thông phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bảng 2.2 . Kết quả đánh giá của CBQL, GV về thực trạng việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường THPT phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	Nhà trường thực hiện đánh giá thực trạng liên quan đến HĐGDTN, HN và đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác để làm căn cứ lập kế hoạch	2.85	0.62	2
2	Xây dựng kế hoạch cho học sinh khối lớp 10, 11, 12 bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018	2.78	0.68	3
3	Xây dựng kế hoạch tổng thể theo năm học và kế hoạch chi tiết theo từng học kỳ, từng tháng một cách khoa học	2.92	0.65	1
4	Xây dựng phương án đào tạo, tập huấn tại chỗ cho đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy HĐGDTN, HN	2.45	0.71	5
5	Xây dựng các phương án huy động kinh phí, trang thiết bị và phân phối nguồn lực, liên hệ kết hợp các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để đảm bảo tính khả thi	2.32	0.74	6
6	Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá HĐGDTN, HN cho học sinh khối lớp 10, 11, 12	2.68	0.66	4
ĐTBC		**2.67**		

Thực trạng xây dựng kế hoạch HĐGDTN, HN đạt ĐTB chung 2,67 (mức trung bình). Các nội dung được thực hiện khá hơn tập trung vào khâu khung kế hoạch: xây dựng kế hoạch tổng thể theo năm học, học kỳ (2,92 - cao nhất), đánh giá thực trạng nguồn lực (2,85), bám sát Chương trình GDPT 2018 (2,78). Ngược lại, các nội dung cốt lõi đảm bảo tính khả thi lại rất thấp: huy động kinh phí và nguồn lực (2,32 - thấp nhất), xây dựng phương án bồi dưỡng giáo viên (2,45). Sự chênh lệch từ 2,92 xuống 2,32 phản ánh tình trạng "mạnh hình thức, yếu nội dung và giải pháp thực thi". Nguyên nhân do kế hoạch chưa dựa trên khảo sát nhu cầu thực tế, thiếu kế hoạch huy động nguồn lực ngoài xã hội dù Ninh Kiều có nhiều lợi thế, đội ngũ GV chủ yếu kiêm nhiệm chưa được bồi dưỡng bài bản, và nhận thức của một bộ phận CBQL về vai trò HĐGDTN, HN còn hạn chế.

2.3.3 Thực trạng việc tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học phổ thông phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bảng 2.3. Kết quả đánh giá của CBQL, GV về thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường THPT phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng quy chế hoạt động cụ thể cho công tác giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp	2.78	0.58	3
2	Tổ chức phổ biến mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch và thảo luận các giải pháp thực hiện đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh	2.85	0.61	2

3	Nhà trường tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức HĐGDTN, HN hoặc cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn chuyên môn	2.12	0.72	7
4	Thực hiện việc sắp xếp bố trí nhân sự, phân định trách nhiệm cụ thể cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn	2.45	0.68	5
5	Tổ chức huy động, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và các thiết bị dạy học cần thiết phục vụ cho việc trải nghiệm và hướng nghiệp	1.98	0.65	8
6	Nhà trường chỉ đạo việc ký kết, phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường đại học	2.28	0.74	6
7	Điều hành việc triển khai thực hiện các hoạt động theo đúng hình thức đã chọn (tham quan thực địa, tọa đàm, diễn đàn, sân khấu hóa…)	2.92	0.59	1
8	Cán bộ quản lý thực hiện việc hướng dẫn kỹ thuật, đôn đốc giáo viên xây dựng kịch bản chi tiết cho từng chủ đề	2.65	0.67	4
ĐTBC		**2.50**		

Thực trạng tổ chức HĐGDTN, HN đạt ĐTB chung 2,50 (mức trung bình). Các nội dung được đánh giá khá hơn tập trung vào khâu hình thức: điều hành triển khai theo hình thức đã chọn (2,92 - cao nhất), phổ biến mục tiêu kế hoạch (2,85), thành lập Ban chỉ đạo (2,78). Ngược lại, các nội dung cốt lõi bị đánh giá rất thấp: huy động cơ sở vật chất (1,98 - thấp nhất), bồi dưỡng năng lực giáo viên (2,12), ký kết phối hợp với doanh nghiệp, trường đại học (2,28). Sự chênh lệch từ 2,92 xuống 1,98 cho thấy công tác tổ chức mới dừng ở triển khai nội bộ, thiên về hoàn thành số lượng tiết học, chưa tạo ra trải nghiệm thực tiễn sâu sắc. Nguyên nhân do hoạt động mang tính thời vụ, hình thức; chưa chủ động kết nối doanh nghiệp dù Ninh Kiều có nhiều lợi thế; GV chủ yếu kiêm nhiệm chưa được bồi dưỡng bài bản; thiếu kinh phí và cơ sở vật chất; nhận thức của CBQL chưa coi đây là hoạt động cốt lõi.

2.3.4 Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học phổ thông phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Thực trạng chỉ đạo HĐGDTN, HN đạt ĐTB chung 2,48 (mức trung bình). Các nội dung chỉ đạo nội bộ được đánh giá khá hơn: phối hợp giữa GV chủ nhiệm, tổ chuyên môn và Đoàn Thanh niên (2,85 - cao nhất), phân hóa nội dung theo khối lớp (2,72), tuyên truyền vận động phụ huynh (2,58). Ngược lại, các nội dung đòi hỏi đổi mới và huy động ngoại lực đều thấp: khai thác kinh phí và CSVC (2,15 - thấp nhất), kết nối chuyên gia, doanh nghiệp (2,25), đôn đốc đổi mới phương pháp sang trải nghiệm thực tế (2,38). Sự chênh lệch từ 2,85 xuống 2,15 cho thấy chỉ đạo chủ yếu mang tính hành chính, nội bộ, thiếu sự quyết liệt trong đổi mới và huy động xã hội. Nguyên nhân do CBQL chỉ tập trung ban hành kế hoạch, giao nhiệm vụ và kiểm tra định kỳ; chưa chỉ đạo sát sao việc đổi mới phương pháp; thiếu cơ chế hợp tác với doanh nghiệp, trường đại học; GV kiêm nhiệm chưa được bồi dưỡng; nhận thức chưa coi đây là hoạt động cốt lõi.

2.3.5 Thực trạng việc kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học phổ thông phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Thực trạng kiểm tra, đánh giá HĐGDTN, HN đạt ĐTB chung thấp nhất 2,41. Các nội dung được thực hiện khá hơn: thành lập đoàn kiểm tra (2,72), xây dựng tiêu chí kiểm tra (2,65), dùng kết quả để thi đua (2,52). Ngược lại, các nội dung cốt lõi nhằm cải tiến chất lượng bị xem nhẹ: rút kinh nghiệm huy động phụ huynh và doanh nghiệp (2,05 - thấp nhất), sử dụng kết quả để điều chỉnh hoạt động (2,18), đánh giá năng lực tự định hướng của học sinh (2,35). Điều này cho thấy kiểm tra, đánh giá chủ yếu mang tính thủ tục, kiểm tra hồ sơ giấy tờ, chưa là công cụ phản hồi và thúc đẩy cải tiến.

Xu hướng giảm điểm xuyên suốt bốn chức năng: Lập kế hoạch (2,67); Tổ chức (2,50); Chỉ đạo (2,48); Kiểm tra (2,41), phản ánh tình trạng

"mạnh hình thức, yếu thực chất". Nguyên nhân sâu xa là nhận thức chưa đầy đủ của CBQL khi HĐGDTN, HN vẫn bị coi là hoạt động phụ, phong trào; cơ chế tài chính cứng nhắc; GV kiêm nhiệm thiếu kỹ năng.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy công tác quản lý HĐGDTN, HN tại ba trường THPT phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ còn một số hạn chế. Nhận thức của học sinh về vai trò của hoạt động chưa cao, trong khi bốn chức năng quản lý đều chỉ đạt mức trung bình, đặc biệt là công tác kiểm tra, đánh giá. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến năng lực của đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm, điều kiện nguồn lực và sự phối hợp với các lực lượng bên ngoài. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp và hỗ trợ học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội.

Nguyễn Quốc Chí & Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2014). Quản lý giáo dục. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

Trần Kiểm (2014). Quản lý giáo dục và nhà trường. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

Phạm Đăng Khoa (2016). Giáo dục hướng nghiệp trong bối cảnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (24), 28-31.